ĐÃ LƯỢC BỎ BỚT VÌ BẢO MẬT

Đề 1

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | True | True | True | True |  |
| 2 | False | False | False | False |  |
| 3 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 4 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 5 | True | True | True | True |  |
| 6 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 7 | False | False | False | False |  |

Đề 2

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | Not given |  | True  (cái đoạn “ any other people present at the scene must be kept apart…..A person’s perception of what happened can get distorted during conversation” cái từ conversation ở cuối đoạn là chỉ cuộc nói truyện giữa cảnh sát với nhân chứng đúng ko ạ) | No  ( có phải là người ở hiện trường bị “keep apart” chứ ko “wait together” đúng ko chị |  |
| 2 | Not given | False | True | True |  |
| 3 | False | Not given | Not given | Not given |  |
| 4 | Not given | False  (cái này là vì em thấy từ again xuất hiện 2 lần trong bài) | False  (nó có nói “photograph the item at the scene before doing anything to it. Add scale and photograph the item again” nên tổng là 2 lần chụp đụng ko ạ) | False  Photo 4 lần đúng ko chị |  |
| 5 | True | True | True | True |  |
| 6 | False | True  ( từ procedures nó là cái key của câu này mà em ko đoán ra nghĩa là gì) | Not given | Not given |  |
| 7 | True  Làm thiếu câu trong bài | True | True | True |  |
| 8 |  | Not given | Not given | Not given |  |

Đề 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | True | True | True | True |  |
| 2 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 3 | True | True | True | True |  |
| 4 | False | False | False | False |  |
| 5 | False | False | False | False |  |
| 6 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |

Đề 4

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | False | False | False | False |  |
| 2 | True | True | True | True |  |
| 3 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 4 | True | True | True | True |  |
| 5 | Not given | False | False  (có phải do cái galaxy project 2 là cái “a successor” đúng ko ạ, với cả từ examine có cùng nghĩa với từ classify ko ạ) | False  ( do cái mà “ to classify the brightest quarter of a million of them in finer detail” ít ngân hà hơn đúng ko ạ) |  |
| 6 | False | True ( em nghi từ “in response to climate change” là “đối phó vs climate change”) | Not given  ( em nghĩ ở cái đoạn “ people working for more modest project called Herbaria@home …… in response to climate change” nó chỉ bảo là mấy cái việc làm của Herbaria@home cho phép họ theo dõi sự thay đổi trong phân bố các loài để đối phó với biến đổi khí hậu thôi chứ mình chưa biết là nó có giúp giảm hiệu ứng chủa biến đổi khí hậu đúng ko ạ.) | No  (chị giải thik hộ em câu này) |  |

Đề 5

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | False |  | Not given  Theo như em hiểu câu này là “Walmart nổi tiếng với việc thuê những người chào hỏi(greeter) đứng ở cửa tiệm. Một sự chào mừng thân thiện được nói rằng sẽ cắt giảm việc ăn trôm” ko liên quan đến câu hỏi trong bài | Not given |  |
| 2 | True | True | True | True |  |
| 3 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 4 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 5 | False | False | False | False |  |
| 6 | False | False | False | False |  |

Đề 6

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | Not given | True  ( em để ý cái câu mà that you normally see in a university campus ) | False  ( “there’s precious little going on that you normally see in a university campus” phàn này quyết định đáp án dung ko ạ)  Quan trọng là chữ little mà em thiếu. Thêm chữ đó vào thì có nghĩa những điều bạn ít thấy trong các khuôn viên đại học | False |  |
| 2 | False | False | False | False |  |
| 3 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 4 | True | True | True | True |  |
| 5 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |

Đề 7

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | True | False | False | False |  |
| 2 | True | True | True | True |  |
| 3 | True | True | True | True |  |
| 4 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |

Đề 8

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | True | Yes | Yes | Yes |  |
| 2 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 3 | False | No | No | No |  |
| 4 | False | Yes | Yes | Yes |  |
| 5 | (e ko biết nghĩa từ conventional) |  | Em tra cái từ conventional nghĩa là thông thường. Ghép vào đoạn văn thi ra “trẻ em mà né tránh trải nghiệm mới khi lớn lên sẽ thông thường hơn những người khác” em ko hiểu lắm | No  (em chưa hiểu cái kiểu “truyền thóng hơn” nghĩa là j nên chị giải thik cho em đi) |  |
| 6 | False | Yes | Yes | Yes |  |

Đề 9

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | ? | Yes | Yes | Yes |  |
| 2 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 3 | Not given | Not given | No | No |  |
| 4 | False | No | No | No |  |
| 5 | False | No | No | No |  |
| 6 | True | yes | yes | yes |  |

Đề 10

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | Not given | Not given | Em dịch đoạn này như sau “quảng cáo này chứng minh thứ các diễn viên hài biết trong nhiều năm: vài thứ thì buồn cười như trẻ sơ sinh nói như một người lớn”. Em đọc lại thấy nó cứ không liên qua đến đáp án kiểu j ý | yes |  |
| 2 | True | No  ( chị ơi “made exactly” là “làm sáng tỏ” ạ ) | Yes | Yes |  |
| 3 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 4 | Not given | Not given | False | False |  |

Đề 11

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 2 | Cái từ “over changes” trong câu hỏi e k biết nghĩa | No  ( em cho rằng đáp án này sai vì từ “inestigation” là “sự điều tra” còn thừ “discussion” trong câu hỏi là “sự thảo luận”  Nhưng nghĩa của 2 từ này liên quan gì đến đáp án em? | Yes  (Câu hỏi là “sẽ có một vài thảo luận về những thay đổi mà Zenzie’s team sẽ làm cho chiếc váy”, còn trong bài nó nói là “trước khi sự bảo tồn đc bắt đầu, Zenzie và đội của cô ấy sẽ tiến hành điều tra để giúp xác định được những thay đổi nên làm với cái áy và khi nào”. Em thấy nó có nói họ thảo luận đâu nhỉ, chị giải thik hộ em vs) | Yes |  |
| 3 | False | No | Yes  (chị đĩnh nghĩa cho em từ realistic được ko. nó nói là “require more than 700 hours’ work” chứ đâu phải 1 con số cụ thể nào đâu) | yes |  |
| 4 | ? | No | No | No |  |

Đề 12

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | True | Yes | Em ko thấy dữ kiện | Not given |  |
| 2 | ? | Not given | Yes  (chị ơi cái từ “in today’s economy, the fate of a well- established company can hang on the outcome of a handful of tested” có ảnh hưởng gì đến từ “ these days, a small number of unsuccessful test results can ruin a well-established company”, nếu ko ảnh hưởng j thì chị giải thích hộ e) | Yes |  |
| 3 | ? | No | Not given  (đáp án câu hỏi này nằm trong đoạn “in one study last year, the National Institute of Health…. Đúng ko ạ, vì em tìm thấy cái dữ kiện “medical condition” trong đoạn này) | Chị giả thik hộ em câu này |  |
| 4 | True | No | Yes | Yes |  |
| 5 | False | No | No | No |  |

Đề 13

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Làm bài lần 1** | **Làm bài lần 2** | **Làm bài lần 3** | **Làm bài lần 4** | **Làm bài lần 5** |
| 1 | False | No | (đề nó nói là ấn tượng đầu tiên của Thordarson là cô ấy sử dụng sai cách Khan Academy, so sánh với dữ kiện đoạn văn là “initially, Thordarson thought that Khan Academy would merely be helpful supplement to her normal instruction. But it quickly became more than that”  Em nghĩ nó phải là No chứ nhỉ. Chị giải thik hộ em | Yes |  |
| 2 | ? | No | No | No |  |
| 3 | ? | Not given | No  (có phải vì nó nói là “every concept of grade levels implies group of students moving along together at an even pace” khác với dữ kiện “school grade levels are based on the idea of student progressing at different rates” đúng ko ạ)  đúng rồi em | No |  |
| 4 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |
| 5 | Not given | Not given | Not given | Not given |  |

Nhận xét lần 1:

Những điểm cần chú ý ở lần này:

* Có sự chênh lệch khá nhiều về số các câu đúng giữa các bài
* Không cẩn thận khi làm bài. Trước khi làm bài thì phải luôn đọc đề và xác định tổng số câu có trong bài
* Nhiều bài làm sai yêu cầu đề. Dạng bài YES - NO - NOT GIVEN này có nhiều cách ghi đáp án khác nhau, nên phải luôn đọc xem đề yêu cầu mình ghi đáp án thế nào. Ghi sai là mất điểm. Không chấm bài lần này để lần sau sẽ không phạm phải lỗi này nữa

Cần đọc hướng dẫn làm dạng bài YES - NO - NOT GIVEN: <https://www.ieltstutor.me/blog/cach-lam-dang-yes-no-not-given-ielts-reading>

Cần đọc hướng dẫn về cách đoán nghĩa từ ở link sau: <https://www.ieltstutor.me/blog/doan-nghia-tu-moi-ielts-reading>

Nhận xét lần 2:

Bài làm lần này vẫn bị sai nhiều và chị thấy em có vẻ chưa nắm được nội dung của bài đọc. Em chú ý các nhận xét của chị. Nhiều khi làm bài, em chỉ tập trung vào 1 câu hoặc 1 đoạn ngắn trong câu nên hiểu sai ý bài và làm sai

Em giải thích bài cũng chưa được, còn khá mơ hồ. Ví dụ như câu 2, đề 11, em chỉ dựa vào nghĩa của 2 từ mà chọn đáp án là không được rồi. Em phải đọc kỹ bài nhé. Nếu thấy câu nào có xuất hiện keywords hoặc những từ liên quan, thì em nên đọc cả đoạn chứa câu đó, hay ít nhất là cũng phải đọc cả câu trước và câu phía sau câu đó.

Ở lần tới em dùng từ điển được. Em cố gắng đọc kỹ bài, có thể đọc nhiều lần, để nắm đúng nội dung bài nhé. Đừng chọn đáp án chỉ vì em thấy hai đáp án còn lại sai. Nếu không biết thì không chọn. Nếu muốn giữ nguyên đáp án thì ghi lý do vì sao em vẫn nghĩ đáp án cũ đúng.

Nhận xét lần 3:

Nhiều câu em chưa nắm được nội dung bài đọc hoặc không hiểu đề đang hỏi gì. Những câu chị chỉ ra chỗ sai em nên đọc lại và làm lại, Tuy lần này em làm sai không nhiều, nhưng chị thấy em cần làm bài lại, vì có nhiều bài em chưa hiểu rõ.

Ở lần tới em cứ dùng từ điển nếu gặp từ nào không hiểu.

Em vẫn bị nhầm lẫn khi phải xác định đáp án. Em xem lại cách xác định ở bài hướng dẫn sau: <https://www.ieltstutor.me/blog/cach-lam-dang-yes-no-not-given-ielts-reading>

Nhận xét lần 4:

Bài làm ổn, đã nắm được phần nhiều bài đọc, tuy vẫn có một vài chỗ chưa hiểu rõ nhưng không sao. Những câu em thắc mắc, chị đã phân tích và giải thích rồi. Em xem và nên đọc lại bài đọc lần nữa để chắc chắn đã hiểu bài và nắm được nội dung bài. Nếu vẫn có thắc mắc thì cứ hỏi nhé

Nên đọc lại các bài và câu hỏi, đáp án một lần nữa để đảm bảo đã hiểu hết. Đừng quên ôn tập cách làm dạng bài này

Bài này đã ổn rồi, mình chuyển qua bài mới nhé. Đáp án để em có thể tham khảo thêm ở dưới bài

ĐÁP ÁN:

**Bài tập 1**

1. True. Chú ý từ “unique” nghĩa là độc nhất, không ai có. Nhìn trên đoạn văn ta thấy câu *“At the time, Mau was the only man alive who knew how to navigate just by observing the stars, the wind and the sea”* để ý thấy có cụm từ “was the only man alive” tương đương với từ unique. Đọc đoạn đầu của bài văn, ngữ cảnh của cụm “at that time” có thể hiểu là trong khoảng thời gian anh ta thực hiện những chuyến đi. Như vậy đây là câu nhận định đúng.

2. False. Trong câu này để ý cụm từ “was familiar” nghĩa là đã quen thuộc với … Tuy nhiên trong bài văn lại có câu *“He had never before sailed to Tahiti”* nghĩa là anh ấy chưa từng đến Tahiti, tức là anh ấy không thể quen với vùng biển quanh Tahiti. Nhận định này sai.

3. Not given. Nhìn vào câu nhận định này chú ý đến cụm “compass and chart”, nhìn vào đoạn văn thì chỉ có 1 câu văn đề cập đến cụm này *“The voyage took him and his crew a month to complete and he did it without a compass or charts.”* Là anh ấy và đội anh ấy thực hiện chuyến đi mà không sử dụng đến bản đồ hay la bàn. Trong khi nhận định là Mau nghĩ la bàn và bản đồ sẽ khó để sử dụng hoàn toàn không được nhắc đến.

4. Not given. Chú ý từ “only” trong nhận định này. Nhận định này nói rằng Ông của Mau là người thầy duy nhất. Tuy nhiên trong bài văn lại không đề cập đến vấn đề này, bài văn chỉ đề cập đến việc ông Mau đã từng dạy Mau khi Mau còn bé.

5. True. Để ý ở bài văn có các câu *“Mau used a circle of stones to memorise the positions of the stars. Each stone was laid out in the sand to represent a star.”* Tức là Mau dùng những viên đá tròn để ghi nhớ vị trí của những ngôi sao. Mỗi viên trên cát như là một ngôi sao. Nhận định này là chính xác.

6. Not given. Ở nhận định này ta có từ “inhabitants” nghĩa là cư dân. Dịch ra có thể hiểu là những cư dân đầu tiên của Hawaii có thể đọc và viết. Trong bài văn chỉ có 1 câu có nhắc đến “Hawaii’s first inhabitants” đó là “*The voyage proved that Hawaii’s first inhabitants came in small boats and navigated by reading the sea and the stars.”* Thì không có nhắc đến vấn đề họ có thể đọc và viết. Do đó không thể xác định được.

7. False. Chú ý từ “memorise” nghĩa là ghi nhớ, ta cũng có từ tương tự là “remember”. Câu này có nhắc đến “his student” trong bài văn ta chỉ có 1 câu nhắc đến là *“He explained the positions of the stars to his students, but he allowed them to write things down because he knew they would never be able to remember everything as he had done.”* Với nhận định này có thể hiểu là Mau hy vọng học trò của anh ấy có thể ghi nhớ được vị trí các ngôi sao. Tuy nhiên trong câu trên thì lại nhắc đến anh ấy biết không thể nào họ có thể nhớ hết tất cả mọi thứ như anh ấy. Do đó, nhận định này không chính xác.

**Bài tập 2.**

1. False. Ta cần chú ý cụm từ sau trong nhận định này “Who are at the crime scene to wait together”. Trong bài văn ta có đoạn văn sau *“First they must deal with anyone at the scene needing medical help. Any other people present at the scene must be kept apart, as they may be eyewitnesses or suspects.”* Tức là cảnh sát phải giúp đỡ y tế cho bất cứ ai cần ở hiện trường. Bất kỳ người nào ở hiện trường cần phải được tách riêng. Như vậy có thể thấy lỗi sai trong nhận định nằm ở cụm từ “wait together”, họ không được đợi cùng nhau, họ phải bị tách riêng. Như vậy nhận định này sai.

2. True. Trong bài văn, ta thấy nhắc đến cảnh sát thường là người đầu tiên đến hiện trường, sau đó họ mới gọi cho SOCO: *“The police officer then calls for a Scene of Crime Officer (SOCO).).* Nhận định này có thể hiểu là SOCOs thường không đến hiện trường đầu tiên là chính xác.

QUY TRÌNH TÌM RA ĐÁP ÁN

BÀI TẬP 2

CÂU SỐ 2

Bắt buộc phải đọc cho kĩ bài hướng dẫn quy trình làm bài ở đây<https://www.ieltstutor.me/blog/quy-trinh-ielts-reading>

Đầu tiên là cần đọc kĩ câu hỏi của đề bài

SOCOs are not normally first at a crime scene

Thì cần xác định được các keywords là crime scene và SOCO, đọc kĩ lại cách xác định keywords<https://ieltstutor.me/blog/keywords-ielts-reading>

Thông thường để dễ làm thì dạng Yes No Not Given các em nên làm theo cặp hoặc làm theo 3 câu 1 lúc tức là câu 1 & 2 làm chung với nhau lí do là vì dạng bài này luôn theo thứ tự, đáp án trong đoạn văn câu 1 sẽ nằm trên câu 2, vậy nên nếu đã tìm ra đáp án câu 1 ở đâu rồi thì tức là đoạn văn khoanh vùng chứa đáp án câu 2 sẽ nằm ở dưới đoạn 1

Sau khi đã xác định xong keywords mình sẽ đọc lại bài, scan nhanh tìm ra đoạn văn có nói đến keywords đó

Thì khi mình đọc, sẽ thấy đoạn The police officer then calls for a SOCO —> đáp án sẽ là TRUE

…..